TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 **THÀNH PHỐ HÀ NỘI** Số: 757/2026/QĐST - HNGĐ	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** *Hà Nội, ngày 02 tháng 06 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và khoản 4 Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55; Điều 57; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ biên bản thỏa ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và thỏa thuận của các đương sự;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 730/2026/TLST-HNGĐ ngày 22/05/2026 về việc thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

Ông L H B, sinh năm 1992

Nơi thường trú: số nhà 03, Trần Hưng Đạo, Khu phố 2, phường T, tỉnh Đ

Địa chỉ hiện tại: Căn hộ 1027, tòa S103, tổ 8, phường T, thành phố H

Bà N T H, sinh năm 1998

Nơi thường trú và nơi ở hiện tại: thôn Vinh Quang, xã T, tỉnh T

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tình cảm: Ông L H B và bà N T H kết hôn trên cơ sở tự nguyện có tìm hiểu, đăng ký kết hôn vào ngày 21 tháng 10 năm 2022 tại UBND xã Tân Quang, huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 30/2022. Là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống ông L H B và bà N T H phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm quan điểm sống, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Xét thấy mâu thuẫn của vợ chồng thực sự trầm trọng, nguyện vọng xin ly hôn của ông L H B và bà N T H là chính đáng, nên Tòa chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông L H B và bà N T H.

[2] Về con chung: Ông L H B và bà N T H cùng xác nhận có 01 con chung là cháu Lưu Thảo Đ sinh ngày 27/3/2023. Khi ly hôn, ông L H B và bà N T H đã thỏa thuận để bà N T H là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dụng con chung. Về cấp dưỡng nuôi con chung, ông L H B và bà N T H tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về tài sản chung: Ông L H B và bà N T H thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về vay nợ: Ông L H B và bà N T H cùng xác nhận không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về lệ phí: Ông L H B tự nguyện chịu toàn bộ 300.000 đồng tiền lệ phí ly hôn, bà N T H đồng ý.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và thỏa thuận của các đương sự, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa ông L H B và bà N T H.

- Về con chung: Giao con chung là Lưu Thảo Đ, sinh ngày 27/3/2023 cho bà N T H là người trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi con chung đủ tuổi trưởng thành hoặc khi có quyết định pháp luật khác thay thế. Về cấp dưỡng, ông L H B và bà N T H tự thỏa thuận về vấn đề này, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xét.

Ông L H B có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Ông L H B và bà N T H tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xét.

- Về nợ chung: Ông L H B và bà N T H cùng xác nhận không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xét.

2. Về lệ phí ly hôn sơ thẩm: Ông L H B tự nguyện chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng lệ phí số 0012289 ngày 21/05/2026 của Phòng thi hành án dân sự Khu vực 4 – Hà Nội. Ông L H B đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:
- *Đương sự;*
- *VKSND Khu vực 4 – Hà Nội;*
- *UBND nơi đăng ký kết hôn;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

THẨM PHÁN

Trần Anh Quang